

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



LY TU TRONG
COLLEGE

TÀI LIỆU HỌC TẬP
Học Phần GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
(HỆ TRUNG CẤP)

HỌ VÀ TÊN:.....

LỚP :.....

LƯU HÀNH NỘI BỘ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2023

LỜI NÓI ĐẦU

Căn cứ theo Thông tư số: 03/2017/TT-BLĐTBOXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Căn cứ theo Thông tư số: 24/2018/TT-BLĐTBOXH về: Ban hành chương trình môn học giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Nhằm cung cấp tài liệu giảng dạy, học tập cho giảng viên, sinh viên bậc trung cấp theo chương trình mới. Tài liệu được biên soạn, hoàn thiện với sự nỗ lực và tâm huyết của đội ngũ Giảng viên của tổ Giáo dục Chính trị thuộc Khoa Lý luận Chính trị.

Theo tinh thần đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, tài liệu được trình bày gồm 6 bài nhằm đáp ứng quy định của Bộ Lao động Thương Binh & Xã hội với thời lượng là 30 tiết, tương đương 2 tín chỉ. So với các tài liệu được biên soạn trước, tài liệu có bổ sung thêm mục tiêu của từng bài học theo hướng hình thành kỹ năng, tư duy và năng lực tự chủ của sinh viên khi vận dụng những kiến thức học được vào trong thực tiễn cuộc sống và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Đồng thời, nội dung từng bài có cập nhật thêm nội dung của văn kiện Đại hội XIII, Nghị quyết, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và con người ở nước ta.

Tài liệu được phục vụ và lưu hành nội bộ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM

MỤC LỤC			
STT	Tên bài	Tổng số tiết của bài	TRANG
1	Bài mở đầu	1	4
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác-Lênin	4	6
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	5	13
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	22
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	29
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	38
7	Kiểm tra	2	
	Tổng cộng	30	

BÀI MỞ ĐẦU

1. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC

1.1. Vị trí

Trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chính trị trước hết là bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, hiệu lực quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Chính trị có vai trò to lớn. Chính trị đúng đắn giúp cho một giai cấp, mỗi con người thực hiện được mục tiêu của mình.

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

1.2. Tính chất môn học

Giáo dục chính trị là bộ phận của khoa học chính trị, của công tác tư tưởng, có nội dung chủ yếu là giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm xây dựng bản lĩnh chính trị, niềm tin và năng lực hoạt động thực tiễn cho mỗi người, đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước.

Môn học *Giáo dục chính trị* gắn bó chặt chẽ với đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn với thực tiễn đất nước, gắn với sự tu dưỡng, rèn luyện của người học, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. MỤC TIÊU CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học, người học cần đạt được:

Về kiến thức: Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. NỘI DUNG CHÍNH

Môn học *Giáo dục chính trị* trình độ trung cấp có nội dung gồm: Khái quát về chủ nghĩa Mác-Lênin; Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh; Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng; Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam; Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

4. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

4.1. Phương pháp dạy học

Môn học *Giáo dục chính trị* lấy phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở dạy học; kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như: thảo luận nhóm, thuyết trình... Người học chú trọng tự nghiên cứu tài liệu, kết hợp với thảo luận

trên lớp, liên hệ với thực tiễn nghề nghiệp đào tạo; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, tham khảo nhiều tài liệu của Đảng, Nhà nước để củng cố kiến thức.

Giáo dục chính trị là môn học gắn bó chặt chẽ với thực tiễn cuộc sống. Trong dạy và học cần liên hệ với thực tiễn hiện nay; gắn dạy lý thuyết với học ngoại khoá, tham quan bảo tàng, thực tiễn sản xuất, các doanh nghiệp; các di tích lịch sử, văn hoá cách mạng...

4.2. Đánh giá môn học

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định hiện hành do giáo viên trực tiếp giảng dạy phổ biến đến sinh viên.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Làm rõ vị trí và tính chất của môn Giáo dục chính trị?*
- 2. Cần phải làm những gì để học tập tốt môn Giáo dục chính trị?*

trong đó trực tiếp nhất là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học cổ điển ở Anh và chủ

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học cần đạt được:

- Về kiến thức:

Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;

- Về kỹ năng:

Vận dụng được những kiến thức của Triết học Mác-Lênin, Kinh tế Chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học vào trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có ý thức rèn luyện, phấn đấu, nỗ lực đóng góp xây dựng và bảo vệ tổ quốc
- + Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

a. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin và ba bộ phận cấu thành

- Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống các quan điểm và học thuyết khoa học do C. Mác và Ph. Ăngghen xây dựng, được V. I. Lênin bảo vệ và phát triển. Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống lý luận thống nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận cơ bản là triết học Mác-Lênin, kinh tế chính trị học Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ thống lý luận khoa học thống nhất về mục tiêu, con đường, biện pháp, lực lượng thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng xã hội, giải phóng con người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

- Ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin:

Triết học Mác-Lênin là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác-Lênin đem lại cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là khoa học nghiên cứu các quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi trong quan hệ biện chứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của phương thức sản xuất nhất định.

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng để giai cấp vô sản và nhân dân lao động thực hiện xây dựng xã hội mới.

Ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin có đối tượng nghiên cứu cụ thể khác nhau nhưng đều nằm trong hệ thống lý luận khoa học thống nhất - đó là khoa học cụ thể về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản, giải phóng nhân dân lao động khỏi chế độ áp bức, bóc lột, tiến tới giải phóng con người.

b. Nguồn gốc hình thành chủ nghĩa Mác-Lênin

- Về kinh tế - xã hội: Sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa ở nhiều nước Tây Âu giữa thế kỷ XIX đã sản sinh ra một giai cấp mới, đó là giai

cấp công nhân. Hàng loạt cuộc đấu tranh tự phát, quy mô lớn của công nhân thế giới chống lại giai cấp tư sản đã nổ ra nhưng đều thất bại. Trước yêu cầu đó, đòi hỏi phải có lý luận khoa học dẫn đường và chủ nghĩa Mác ra đời đáp ứng những đòi hỏi ấy.

- *Về tư tưởng lý luận*: Kết quả của sự kế thừa tinh hoa di sản lý luận của nhân loại, trong đó trực tiếp nhất là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học cổ điển ở Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán ở Pháp.

- *Về khoa học*: Những phát minh về khoa học tự nhiên vào thời kỳ này là cơ sở củng cố chủ nghĩa duy vật biện chứng - cơ sở phương pháp luận của học thuyết Mác.

- *Nhân tố chủ quan*: C. Mác, Ph. Ăngghen là những thiên tài trên nhiều lĩnh vực. Hai ông đã nghiên cứu kỹ xã hội tư bản, kế thừa, tiếp thu có chọn lọc và phát triển những tiền đề tư tưởng lý luận, khoa học, phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và sáng lập ra học thuyết mang tên mình.

2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác-Lênin

2.1. Triết học Mác - Lênin

2.1.1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

+ Vật chất và ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức

Định nghĩa vật chất của Lênin: Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh lại và nó tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.

Phương thức tồn tại của vật chất là vận động, vận động của vật chất có năm hình thức cơ bản (cơ học, vật lý, hóa học, sinh học và xã hội), vật chất vận động trong không gian và thời gian.

Bản chất của ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào trong bộ não người một cách năng động, sáng tạo. Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

Giữa vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng với nhau. Trong mối quan hệ này thì vật chất có trước, vật chất sinh ra và quyết định ý thức, song ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Vì vậy, con người phải tôn trọng khách quan, đồng thời phát huy tính năng động chủ quan của mình.

+ Phép biện chứng duy vật:

Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến chỉ ra rằng: các sự vật, hiện tượng, các quá trình khác nhau vừa tồn tại độc lập, vừa quy định, tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau.

Nguyên lý về sự phát triển chỉ ra rằng: phát triển là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật, phát triển là khuynh hướng chung của thế giới, phát triển diễn ra theo hình xoáy ốc.

Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật bao gồm: quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập; quy luật chuyển hóa từ những biến đổi về lượng thành những sự biến đổi về chất và ngược lại; quy luật phủ định của phủ định.

Lý luận nhận thức: Nhận thức là một quá trình phản ánh tích cực, tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người trên cơ sở thực tiễn, nhằm sáng tạo ra những tri thức về thế giới khách quan.

Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất của con người nhằm cải tạo thế giới khách quan để phục vụ cho nhu cầu của con người. Thực tiễn là cơ sở, là nguồn gốc của nhận thức, cung

cấp những tài liệu hiện thực, khách quan, làm cơ sở để con người nhận thức. Thực tiễn là động lực, mục đích của nhận thức, là tiêu chuẩn của chân lý.

2.1.2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

Chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ rõ cơ sở vật chất của đời sống xã hội và những quy luật cơ bản của quá trình vận động, phát triển của xã hội. Đó là các quy luật:

- *Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*

Trong mỗi phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất gắn bó hữu cơ với nhau. Lực lượng sản xuất như thế nào về trình độ phát triển thì quan hệ sản xuất phù hợp như thế ấy. Khi trình độ lực lượng sản xuất phát triển, thay đổi thì quan hệ sản xuất cũng thay đổi theo. Đến mức độ nào đó, quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa, nó sẽ mâu thuẫn và cản trở lực lượng sản xuất. Để tiếp tục phát triển, lực lượng sản xuất phải phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất.

- *Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.*

Trong mỗi quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng thì cơ sở hạ tầng thế nào thì kiến trúc thượng tầng được xây dựng tương ứng. Khi cơ sở hạ tầng biến đổi, kiến trúc thượng tầng biến đổi theo. Biến đổi cơ sở hạ tầng, sớm hay muộn cũng dẫn tới sự biến đổi của kiến trúc thượng tầng. Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại, bảo vệ cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó. Trong các bộ phận của kiến trúc thượng tầng, Nhà nước có vai trò quan trọng và có hiệu lực mạnh nhất vì Nhà nước là công cụ quản lý hiệu quả của giai cấp thống trị đối với xã hội.

- *Cách mạng xã hội* là bước nhảy vọt về chất trong sự phát triển của xã hội, là sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác, tiến bộ hơn. Trong cách mạng xã hội, quần chúng nhân dân là động lực cơ bản.

2.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

2.2.1. Học thuyết giá trị và giá trị thặng dư

❖ Học thuyết giá trị

Hàng hóa

- Khái niệm: Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán.

- Hai thuộc tính của hàng hóa:

Giá trị sử dụng của hàng hóa là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu của con người.

Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.

Quy luật giá trị

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế căn bản của nền sản xuất hàng hoá. Ở đâu có sản xuất và trao đổi hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị. Sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí sức lao động xã hội cần thiết.

Ý nghĩa của học thuyết

Nghiên cứu học thuyết giá trị, hiểu rõ quy luật giá trị sẽ có kiến thức điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá; kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động,

thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Từ đó giúp cho chúng ta hiểu rõ nguyên nhân của sự phân hoá xã hội thành người giàu, người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội để có phương hướng, giải pháp khắc phục.

❖ **Học thuyết giá trị thặng dư**

Hàng hóa sức lao động

- Khái niệm: Sức lao động là năng lực lao động của con người. Nó bao gồm thể lực, trí lực, kỹ năng của người lao động và được sử dụng trong quá trình lao động.

- Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa

Sức lao động chỉ trở thành hàng hóa khi người lao động tự do về thân thể, có quyền bán sức lao động của mình và khi họ không có tư liệu sản xuất.

- Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động

Giá trị hàng hóa sức lao động: được quyết định bởi lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra nó.

Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động nhằm thỏa mãn nhu cầu của người mua. Nó có khả năng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó. Đó chính là giá trị thặng dư.

- Giá trị thặng dư là một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không.

Bản chất của chủ nghĩa tư bản

+ Học thuyết giá trị thặng dư đã vạch rõ bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột giai cấp công nhân của giai cấp tư sản và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản.

+ Dưới chủ nghĩa xã hội, nhất là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, học thuyết giá trị thặng dư vẫn có giá trị. Cần quan tâm ứng dụng khoa học-công nghệ hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động... để tạo ra nhiều giá trị thặng dư, vừa để nâng cao thu nhập của mình, vừa mang lại lợi ích, xây dựng cơ sở vật chất nhiều hơn cho xã hội.

2.2.2. Về chủ nghĩa tư bản độc quyền

Chủ nghĩa tư bản độc quyền ra đời đã thúc đẩy nền sản xuất hàng hóa phát triển đạt tới mức cao nhất trong lịch sử sản xuất của nhân loại. Mặt tiêu cực của sự ra đời chủ nghĩa tư bản độc quyền là gắn với quá trình bóc lột chiếm lợi nhuận cao thể hiện rõ dưới nhiều hình thức. Các cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài, mâu thuẫn giai cấp sâu sắc, sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước là nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến xung đột và chiến tranh đe dọa hòa bình và ổn định của thế giới.

2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3.1. Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

❖ **Định nghĩa giai cấp công nhân**

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao; là lực lượng lao động cơ bản tiên tiến trong các quy trình công nghệ, dịch vụ công nghiệp, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản

xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến trong thời đại hiện nay.

❖ **Đặc điểm của giai cấp công nhân**

Lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa.

Giai cấp công nhân là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại.

Nền sản xuất đại công nghiệp và phương thức sản xuất tiên tiến đã rèn luyện cho giai cấp công nhân những phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp. Đó là giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để.

❖ **Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

Sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân là thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

❖ **Tất yếu hình thành chính đảng của giai cấp công nhân**

Sự thất bại của phong trào công nhân tự phát giữa thế kỷ XIX khách quan đòi hỏi có lý luận khoa học dẫn đường và đảng chính trị tiên phong lãnh đạo. Sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào công nhân tất yếu ra đời chính đảng của giai cấp công nhân.

❖ **Giai cấp công nhân Việt Nam**

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khóa X của Đảng đã định nghĩa về giai cấp công nhân Việt Nam như sau:

Giai cấp công nhân là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động tay chân và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình kinh doanh sản xuất và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam: “Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn; Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng”¹

2.3.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng nhằm thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa lỗi thời bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc cách mạng đó, giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo và cùng với quần chúng nhân dân lao động xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

¹ Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 28/1/2008 - Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương, khóa IX về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa là khối đoàn kết, liên minh công - nông - trí thức và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trên lĩnh vực chính trị, chủ yếu là Đảng Cộng sản lãnh đạo giai cấp công nhân và các lực lượng nhân dân lao động đấu tranh lật đổ chính quyền tư sản, thiết lập quyền lực chính trị về tay mình, xây dựng kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trên lĩnh vực kinh tế, nhiệm vụ trọng tâm là phát triển lực lượng sản xuất, tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội; xây dựng quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; xây dựng và phát huy quyền làm chủ của người lao động đối với tư liệu sản xuất; cải thiện đời sống nhân dân.

Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa là tiến hành giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội, xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa; xây dựng con người mới, xây dựng đạo đức, lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

2.3.3. Sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp lên cao qua hai giai đoạn, giai đoạn thấp và giai đoạn cao; giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản.

3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin

3.1. Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là một hệ thống lý luận khoa học, thể hiện trong toàn bộ ba bộ phận cấu thành học thuyết

Triết học Mác-Lênin trang bị cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức, cải tạo và phát triển thế giới. *Kinh tế chính trị học Mác-Lênin* chỉ rõ những quy luật kinh tế chủ yếu dưới chủ nghĩa tư bản, trong thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội và dưới chủ nghĩa xã hội. *Chủ nghĩa xã hội khoa học* là lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa, làm rõ lực lượng xã hội to lớn để thực hiện sự nghiệp đó là giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết duy nhất nêu rõ mục tiêu, con đường, lực lượng, phương thức giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết duy nhất, nêu rõ mục tiêu xây dựng xã hội tốt đẹp trên toàn thế giới; chỉ rõ phương hướng, lực lượng, phương thức để giải phóng toàn xã hội khỏi mọi bất công, áp bức; giải phóng mọi giai cấp thoát khỏi sự nghèo nàn, lạc hậu, giải phóng con người khỏi mọi sự ràng buộc của chủ nghĩa cá nhân, đi tới tự do.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là một học thuyết mở, sống động, không ngừng tự phê phán, tự đổi mới, bổ sung và phát triển trong thực tiễn cách mạng

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết mang tính chất cách mạng, không chỉ giải thích thế giới, mà còn cải tạo và xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Học thuyết này không phải là một hệ thống các nguyên lý giáo điều, bất biến mà luôn sống động, gắn với sự phát triển của tri thức nhân loại.

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết cách mạng, có ý nghĩa thực tiễn, không chỉ giải thích thế giới mà là cải tạo xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết cách mạng với vai trò là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các Đảng Cộng sản trong cải tạo xã hội cũ trên các lĩnh vực, xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa.

3.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các Đảng Cộng sản

Cho đến ngày nay, chủ nghĩa Mác-Lênin lan rộng toàn thế giới và trở thành học thuyết phổ biến trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc. Hàng trăm Đảng Cộng sản và công nhân ra đời ở nhiều nước đưa chủ nghĩa Mác – Lênin vào quần chúng, trở thành lực lượng vật chất to lớn cho các phong trào cách mạng. Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của các Đảng Cộng sản trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, và phong trào giải phóng dân tộc.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là hệ tư tưởng, là cơ sở lý luận của các Đảng Cộng sản trong việc hoạch định Cương lĩnh, đường lối lãnh đạo cách mạng; là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là hệ tư tưởng chủ đạo trong các hoạt động tinh thần của xã hội, là định hướng chủ đạo trong tư duy mỗi người trong cuộc đấu tranh giành chính quyền và trong cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định, cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày khái niệm về chủ nghĩa Mác-Lênin và ba bộ phận cấu thành của nó?*
- 2. Trình bày những nội dung cơ bản của triết học Mác - Lê nin.*
- 3. Nêu hai thuộc tính của hàng hóa và cho ví dụ minh họa.*
- 4. Nêu những đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân và liên hệ với thực trạng đời sống của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?*
- 5. Hãy nêu vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống con người?*

Bài 2

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học cần đạt được:

- Về kiến thức:

Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng được các kiến thức từ nội dung tư tưởng của Bác vào trong học tập và trong cuộc sống của bản thân.

+ Sinh viên nhận diện và phản bác được những luận điểm nhằm xuyên tạc và phủ nhận giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Giúp sinh viên nhận thức khoa học giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

+ Xây dựng được niềm tin, tư tưởng, tình cảm tích cực trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thực tế.

1. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh lần đầu tiên được sử dụng trong Văn kiện Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1991) và ngày càng được xác định rõ hơn. Đại hội lần thứ XI của Đảng (2011) viết: *“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”*².

1.2. Nguồn gốc và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nguồn gốc

+ *Nguồn gốc thực tiễn*: Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Đến năm 1884, chúng thiết lập sự thống trị trên toàn cõi Việt Nam. Không cam chịu khổ nhục, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp đã liên tục nổ ra nhưng đều bị đàn áp đẫm máu và cuối cùng đều thất bại. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Phong trào cứu nước muốn thắng lợi phải đi theo một con đường cứu nước mới.

Khi đó, trên thế giới xuất hiện chủ nghĩa Mác - Lênin. V.I.Lênin đã bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác thành chủ nghĩa Mác- Lênin. V.I.Lênin đã lãnh đạo thắng lợi Cách mạng tháng

²Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 88

Mười Nga năm 1917 và thành lập Quốc tế Cộng sản (3-1919), thúc đẩy sự truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác-Lênin và ra đời hàng chục Đảng Cộng sản ở nhiều nước.

+ *Nguồn gốc lý luận:*

Tiếp thu truyền thống quý báu của dân tộc, quê hương và gia đình: Nguyễn Sinh Cung sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, yêu nước tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người sớm được học tại trường tiểu học Đông Ba, Quốc Học Huế, sớm suy ngẫm về sự thất bại của các phong trào yêu nước. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương và gia đình là nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây: Khi còn nhỏ, Nguyễn Tất Thành đã sớm được cha dạy chữ Hán và Nho giáo. Sau khi trở thành người Cộng sản, Người đã biết đến chủ nghĩa Tam dân ở Trung quốc. Qua phương Tây, Người đã tiếp thu được những tư tưởng của cách mạng Mỹ (1776), Đại cách mạng Pháp (1789), đạo đức của Thiên chúa giáo, chủ nghĩa Tam dân ở Trung quốc... Đây là một trong tiền đề hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nguồn gốc tư tưởng, lý luận chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có bước chuyển về chất, có giá trị vượt trội hơn tất cả các trào lưu tư tưởng yêu nước Việt Nam trước đó. Chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận, là nguồn gốc quan trọng nhất quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh.

- ***Nhân tố chủ quan:*** Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về sự bền bỉ, không ngừng tích lũy tri thức, mẫu mực về đạo đức cách mạng, về phong cách lãnh đạo, làm việc, ứng xử... Những phẩm chất cá nhân của Người là tiền đề, là nguồn gốc, là cơ sở quyết định nhất để tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin, các tư tưởng tiến bộ trên thế giới, hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.3. Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

- *Thời kỳ niên thiếu đến khi ra nước ngoài (1890-1911)*

Hồ Chí Minh, khi sinh ra tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 tại làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 1895, Người theo cha vào Huế, học tại trường tiểu học Đông Ba, trường Quốc học Huế với tên gọi là Nguyễn Tất Thành. Cuối năm 1910, Người dạy học ở trường Dục Thanh, Phan Thiết, sau đó vào Sài Gòn. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến Nhà Rồng, Người lấy tên Văn Ba làm phụ bếp trên chuyến tàu buôn của Pháp ra nước ngoài.

- *Thời kỳ trải nghiệm cuộc sống và đến với chủ nghĩa Mác- Lênin (1911-1920)*

Năm 1911, Người đi qua nhiều nước và đến sống ở Mỹ (1912-1913), sống ở Anh (1914-1917) và về sống ở Pháp (1917-1923). Thời kỳ này trong tư tưởng của Người đã hình thành tình cảm thương yêu những người lao động nghèo khổ.

Vào cuối năm 1917, Người trở lại nước Pháp, hoạt động trong những người Việt Nam yêu nước ở Pari, Pháp. Tại Paris, tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của V.I.Lênin và tìm thấy ở đây con đường cách mạng vô sản. Từ đó, Người hoàn toàn tin theo V.I.Lênin, tán thành theo Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920) và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

- *Thời kỳ hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc (1921-1930)*

Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô, dự các hội nghị do Quốc tế Cộng sản tổ chức. Cuối năm 1924, Người về Quảng Châu, Trung Quốc. Những năm 1925-1927, Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và trực tiếp huấn luyện cán bộ của Hội; xuất bản tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927). Đây là thời kỳ hoạt động sôi nổi, hiệu quả của Nguyễn Ái Quốc trên cả phương diện lý luận và thực tiễn; chuẩn bị chu đáo về chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến đây tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam đã cơ bản hình thành.

- *Thời kỳ vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam (1930-1941)*

Người bị bắt và cầm tù trong nhà tù của thực dân Anh ở Hồng Kông (1931-1932). Sau khi thoát khỏi nhà tù của thực dân Anh, năm 1934, Người trở lại Liên Xô. Dù gặp một số khó khăn, Người vẫn kiên định lập trường, giữ vững quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng về đấu tranh giành độc lập dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Ngày 28-1-1941, sau 30 năm xa Tổ quốc, Người trở về Pắc Bó, Cao Bằng. Tại đây, Hồ Chí Minh đã chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ Tám (5-1941), đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu và chuẩn bị mọi mặt để giành chính quyền.

- *Thời kỳ phát triển hoàn thiện tư tưởng về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam (1941-1969).*

Đây là thời kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng cơ bản là thống nhất. Hồ Chí Minh sáng lập Mặt trận Việt Minh (5-1941), Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (12-1944); phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945. Thời kỳ 1945-1954, Người đã lãnh đạo đưa đất nước vượt ra khỏi tình trạng “ngàn cân treo sợi tóc” và đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đi đến thắng lợi. Từ năm 1954 đến năm 1969, Hồ Chí Minh bổ sung, phát triển, hoàn thiện tư tưởng đồng thời tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam.

Hồ Chí Minh qua đời (2-9-1969). Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản *Di chúc* lịch sử, khẳng định sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoạch định cả một chương trình lớn xây dựng và phát triển đất nước sau chiến tranh.

2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng (4-2001) khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 9 nội dung cơ bản sau: “*Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân*”³.

³ Đảng CSVN: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb. CTQG, HN. 2001, tr.83,84

Trong chương trình này chỉ khái quát một số nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh, được thống nhất trong cả lý luận và hoạt động thực tiễn, phản ánh chính xác mục đích, lý tưởng, khát vọng của Người.

Độc lập dân tộc, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Hồ Chí Minh nêu một chân lý có giá trị cho mọi thời đại: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”⁴. Độc lập dân tộc phải là một nền độc lập thật sự, hoàn toàn, gắn với hòa bình, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Độc lập phải triệt để toàn diện và bền vững. Muốn thế độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là chế độ do nhân dân làm chủ, chế độ có nền kinh tế phát triển cao, con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột và bất công; các dân tộc chung sống trong hòa bình.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là mục tiêu trước hết, là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội còn chủ nghĩa xã hội là con đường bảo vệ và phát triển thành quả của độc lập dân tộc.

- Qua thực tiễn hoạt động, Hồ Chí Minh nhận thấy quan hệ khăng khít của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người xác định tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là để tạo ra sức mạnh vô tận.

Theo Hồ Chí Minh, sức mạnh dân tộc là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập tự do. Sức mạnh thời đại đó là sức mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới và sức mạnh của cách mạng khoa học và công nghệ.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là cơ sở và điều kiện quan trọng để Việt Nam có thể giành độc lập dân tộc và đi lên Chủ nghĩa xã hội.

2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

Để thay thế chế độ thực dân phong kiến tàn bạo, phản nhân tính, Hồ Chí Minh đã lựa chọn ra một kiểu nhà nước mới cho Việt Nam, đó là Nhà nước dân chủ cộng hòa, một nhà nước đại biểu quyền lợi “cho số đông người”, thể hiện tính chất nhân dân, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước của dân là tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Nhà nước do dân là Nhà nước do dân tạo ra, do dân ủng hộ và nhân dân tham gia quản lý. Nhà nước vì dân là Nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu. Tất cả hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra, không có lợi ích nào khác.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm được việc thực thi quyền lực của nhân dân. Người yêu cầu tăng cường tính nghiêm minh

⁴Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr.108.

của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, đề cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên.

2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

Theo Hồ Chí Minh đoàn kết có tầm quan trọng đặc biệt, đoàn kết toàn dân mới phát huy cao nhất sức mạnh. “*Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi*”⁵; “*Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công*”⁶; “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*”⁷. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc bao gồm tất cả những người yêu nước, không phân biệt tầng lớp, thành phần dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.... Đoàn kết phải lâu dài, vì mục đích chung là tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Điều kiện để đoàn kết toàn dân tộc là phải có niềm tin vào nhân dân, đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung. Đoàn kết toàn dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, phải được thực hiện thông qua Mặt trận dân tộc thống nhất; trong đó đoàn kết trong Đảng là hạt nhân để đoàn kết mọi người trong toàn xã hội.

2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển kinh tế. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải tạo lập trên cơ sở chế công hữu về tư liệu sản xuất. Nền kinh tế đó sẽ còn tồn tại bốn hình thức sở hữu chính là: sở hữu nhà nước, sở hữu hợp tác xã, sở hữu của người lao động riêng lẻ và sở hữu của nhà tư bản. Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải bóc lột lực lượng của mọi người ra để sản xuất. Nhưng sản xuất cần gắn với phân phối công bằng hợp lý.

Muốn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và yếu hèn, phải phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, văn hóa là động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội. Phát triển kinh tế, diệt giặc đói, đồng thời phải diệt giặc dốt, vì “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Hồ Chí Minh coi con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Muốn thực hiện chiến lược “trồng người”, cần có nhiều biện pháp, nhưng giáo dục, đào tạo là biện pháp quan trọng bậc nhất. Nội dung và phương pháp giáo dục phải toàn diện, cả đức, trí, thể, mỹ; phải đặt đạo đức, lý tưởng và tình cảm cách mạng, lối sống xã hội chủ nghĩa lên hàng đầu.

2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng

- Hồ Chí Minh cho rằng, đạo đức có vai trò rất quan trọng. Đạo đức là gốc, là nền tảng của con người, của xã hội giống như gốc của cây, nguồn của sông suối. Có đạo đức cách mạng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang. Đạo đức cùng với tài năng của mỗi người đều quan trọng, nhưng đạo đức giữ vai trò là cái gốc của người cách mạng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, nhưng có tài mà không có đức là người vô dụng.

- Về các chuẩn mực đạo đức cách mạng:

⁵Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.22

⁶Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.154

⁷Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr. 607

+ *Trung với nước, hiếu với dân*: Trung với nước là suốt đời đấu tranh cho cách mạng, ra sức làm việc, giữ vững kỉ luật, thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước. Hiếu với dân thể hiện ở chỗ thương dân, tin dân, phục vụ nhân dân hết lòng.

+ *Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*: Cần: tức là lao động cần cù, siêng năng, có kế hoạch, có tinh thần lao động sáng tạo, giữ kỷ luật, năng suất cao, có trách nhiệm và luôn tự lực cánh sinh; Kiệm: tức là tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, tiết kiệm sức lao động, thời gian, tiền của dân, của nước, của tập thể, của mình. Tiết kiệm là chi tiêu hợp lý; Liêm: tức là luôn luôn tôn trọng và bảo vệ của công và của dân, không xâm phạm đồng xu, hạt thóc của nước, của dân trong mọi hoàn cảnh; Chính: tức là thẳng thắn, đứng đắn, quang minh chính đại. Chính là cái tâm thẳng thắn đối với người, với việc, không tự cao, tự đại, luôn thật thà, tự kiểm điểm mình; Chí công vô tư là luôn công bằng, công tâm, không thiên tư thiên vị, nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

+ *Yêu thương con người*: là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất, vì người cách mạng có yêu thương nhân dân mới sẵn sàng làm cách mạng. Tình yêu thương đó là một tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da sắc tộc.

+ *Tinh thần quốc tế trong sáng*: Phẩm chất này bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân, nhằm vào mối quan hệ rộng lớn vượt ra khỏi quốc gia dân tộc. Chủ nghĩa quốc tế đó là sự tôn trọng, hiểu biết, yêu thương và đoàn kết với giai cấp vô sản, với tất cả các dân tộc và nhân dân toàn thế giới, với những người tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra những nguyên tắc cơ bản để rèn luyện đạo đức của mỗi người đó là: Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức; Xây đi đôi với chống; Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.

2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi trọng và đánh giá cao vai trò của tuổi trẻ. “*Tuổi trẻ là mùa xuân của nhân loại*”; thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên. Trong Di chúc, Người dặn: “*Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết*”.

Hồ Chí Minh yêu cầu phải chú trọng giáo dục và học tập đủ các mặt đạo đức cách mạng, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất. Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Giáo dục thế hệ trẻ trên tất cả các mặt “*đức, trí, thể, mỹ*” gồm giáo dục lý tưởng cách mạng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, học để làm cho dân giàu, nước mạnh. Giáo dục ý chí, đạo đức cách mạng, trình độ chính trị, học văn, khoa học, kỹ thuật và quân sự; nếp sống văn hóa, thể chất cho tuổi trẻ.

Theo Hồ Chí Minh, phương pháp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ phải phù hợp với đối tượng, giáo dục là một khoa học. Theo Người, cần thực hiện dân chủ, bình đẳng trong giáo dục. Giáo dục phải gắn liền với thi đua dạy thật tốt, học thật tốt.

3. VAI TRÒ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng của Người đang được hiện thực hóa trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có giá trị đối với cách mạng Việt Nam mà còn phản ánh khát vọng thời đại là giải phóng dân tộc thuộc địa, là hòa bình, hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc. Tư tưởng và cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Người là tấm gương sáng cổ vũ các dân tộc trên thế giới tham gia cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội.

4. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

4.1.1. Nội dung đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- *Nội dung đạo đức Hồ Chí Minh*: Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về thực hành đạo đức, thống nhất tư tưởng đạo đức và hành vi đạo đức, nói đi đôi với làm, cụ thể ở các nội dung sau:

Suốt đời vì dân, vì nước, trung với nước, hiếu với dân.

Ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục đích.

Hết lòng thương yêu, quý trọng, phục vụ nhân dân.

Nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, luôn hết mực vì con người.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và hết sức khiêm tốn.

- Nội dung phong cách Hồ Chí Minh

Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách Hồ Chí Minh gồm những điểm nổi bật sau đây:

- Về phong cách tư duy, bao gồm phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại; phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; phong cách tư duy hài hoà, uyển chuyển, có lý có tình.

- Về phong cách làm việc, bao gồm phong cách làm việc khoa học; phong cách làm việc có kế hoạch; phong cách làm việc đúng giờ; phong cách đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn.

- Về phong cách lãnh đạo, thể hiện qua việc tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đi đúng đường lối quần chúng, lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người “không quan trọng”.

- Về phong cách diễn đạt, được thể hiện qua cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực; diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinh động, có lượng thông tin cao.

- Về phong cách ứng xử, được thể hiện qua việc khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp; chân tình, nồng hậu, tự nhiên; linh hoạt, chủ động, biến hoá; vui vẻ hoà nhã, xoá nhoà mọi khoảng cách.

- Về phong cách sinh hoạt, bao gồm phong cách sống cần kiệm, liêm chính; phong cách sống hài hoà, nhuần nhuyễn giữa văn hoá Đông - Tây, nhưng luôn giữ vững, yêu quý và tự hào về văn hoá Việt Nam; tôn trọng quy luật tự nhiên, gắn bó với thiên nhiên.

4.1.2. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

- Xuất phát từ vai trò to lớn và quan trọng của đạo đức

- Hồ Chí Minh là tấm gương đạo đức mẫu mực, sáng người, tiêu biểu nhất cho truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam
- Thực trạng đạo đức hiện nay đòi hỏi “nhân cái đẹp, dẹp cái xấu”
- Thực hiện quan điểm của Đảng, đặc biệt là chỉ thị 05 của Bộ chính trị về việc “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”

4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

4.2.1. Năm vững nội dung cơ bản, hệ thống tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Đó là năm vững hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đó là năm vững nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh như đã nêu ở phần trên.

Năm vững nội dung cốt lõi về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: Trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân; thương yêu nhân dân, thương yêu con người, Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và có tinh thần quốc tế trong sáng.

Học tập phong cách tư duy; phong cách làm việc; phong cách ứng xử; phong cách nói đi đôi với làm; nói và viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm; phong cách sống thanh cao, trong sạch, giản dị; phong cách quần chúng, dân chủ, tự mình nêu gương, phong cách về ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh...v.v.

4.2.2. Phương pháp học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật nhà nước và nội dung sinh hoạt thường xuyên của các tổ chức, gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước.

Gắn với việc xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam, xây dựng hệ giá trị văn hoá và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Lấy kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng và mỗi người hàng năm.

Xây dựng, tổng kết và nhân rộng những điển hình tiên tiến về làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Đối với người học cần phấn đấu và rèn luyện theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; bồi dưỡng tư tưởng, phẩm chất chính trị; không ngừng phát huy tinh thần yêu nước, tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc; trung thành vô hạn với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ Đảng, chế độ; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết; phải tôn trọng pháp luật; có ý thức tổ chức và kỷ luật trong học tập, lao động và cuộc sống.

Không ngừng rèn luyện đức tính hiếu với dân, tận tụy với công việc; thật thà, chính trực, cần, kiệm, liêm, chính, biết quý trọng lao động, quý trọng thời gian và tài sản của tập thể, của mọi người, chống lãng phí, xa hoa; có trách nhiệm đối với học tập, công việc và cuộc sống; có tính tự giác tu dưỡng rèn luyện đạo đức.

Rèn luyện phong cách, lối sống khiêm tốn, giản dị; chống kiêu căng, tự mãn; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, lười biếng; thói hám danh, hám lợi... Tích cực tham gia những hoạt động có ý nghĩa cho bản thân và có ích cho cộng đồng, xã hội. Cần biết kết hợp học lý thuyết với thực hành, học tập, lao động với tinh thần sáng tạo, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao. Không ngừng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học, kỹ thuật và quân sự; biết học tập và nhân rộng điển hình tiên tiến của cộng đồng trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh?*
- 2. Hãy nêu nội dung cơ bản tám gương đạo đức Hồ Chí Minh?*
- 3. Trình bày sự cần thiết phải học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh?*

Bài 3

NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học cần đạt được:

- ***Về kiến thức:***

Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- ***Về kỹ năng:***

Vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... theo đường lối, chính sách của Đảng.

- ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

+ Thông qua tìm hiểu về Đảng thêm tự hào về dân tộc Việt Nam anh hùng, thông minh, sáng tạo; tự hào về Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện

+ Củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tiền đồ phát triển của đất nước

1. SỰ RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1. Tình hình thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

Tình hình thế giới

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tình hình thế giới có những chuyển biến sâu sắc. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, tranh đua đi xâm lược thuộc địa. Mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau đã dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), để lại cho nhân dân thế giới những hậu quả rất nặng nề.

Đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã bảo vệ và phát triển học thuyết Mác, lãnh đạo thắng lợi Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Mười đã cổ vũ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới.

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản ra đời, trở thành trung tâm lãnh đạo phong trào cộng sản, công nhân quốc tế thúc đẩy sự ra đời hàng chục Đảng Cộng sản ở nhiều nước trên thế giới.

Ở châu Á, cuộc cách mạng Tân Hợi (1910-1911) ở Trung Quốc, công cuộc canh tân đất nước của Nhật Bản cuối thế kỷ XIX vào đầu thế kỷ XX đã có tác động đến nhiều nước, thu hút sự quan tâm của nhiều người yêu nước Việt Nam.

Tình hình Việt Nam

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng và ký Hiệp ước Patenôt (1884), chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp ở toàn cõi Việt Nam.

Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, tính chất xã hội Việt Nam đã có sự chuyển biến từ xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa, nửa phong kiến. Trong xã hội Việt Nam nổi

lên hai mâu thuẫn cơ bản đồng thời cũng là mâu thuẫn chủ yếu: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp. Mâu thuẫn cơ bản thứ hai, giữa nhân dân Việt Nam, đa số là nông dân với địa chủ phong kiến.

Ở khắp mọi nơi, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều đứng lên đấu tranh với mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp và xây dựng lại đất nước theo quan điểm lập trường của giai cấp mình.

+ *Phong trào Cần Vương (1885-1897)*: Đứng trên lập trường của giai cấp địa chủ phong kiến, do Tôn Thất Thuyết lãnh đạo.

+ *Phong trào nông dân Yên Thế (1884-1913)*: Khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo.

+ *Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản*: Phong trào Đông Du do Phan Bội Châu, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can lãnh đạo, phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh lãnh đạo, phong trào của Việt Nam Quốc dân Đảng.

Nhìn chung, phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã nêu cao khí phách của toàn dân tộc nhưng đều thất bại. Nguyên nhân dẫn đến thất bại vì chưa có đường lối chính trị đúng đắn, lực lượng lãnh đạo tiên bộ chưa phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc. Cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng.

1.1.2. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, chuẩn bị thành lập Đảng

Thấu hiểu nỗi khổ nhục của người dân mất nước, năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Người đi về phương Tây với mục tiêu: “Muốn đánh thắng kẻ thù phải hiểu rõ kẻ thù”.

Sau khi rời Tổ quốc, Nguyễn Tất Thành qua Pháp, nhiều nước châu Phi và đến sống ở Mỹ (1912-1913), ở Anh (1914-1917). Tháng 7-1917, Người từ Anh trở về Pari (Pháp) tham gia các hoạt động chính trị- xã hội và bắt đầu chú ý về nước Nga Xô viết.

Tháng 7/1920, Người đọc bản “*Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*” của Lênin. Người đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam là con đường *Cách mạng vô sản*. Từ đây, Người tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 6/1925, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được thành lập để truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, tạo sự chuyển biến về chất trong phong trào cách mạng Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức Cộng sản: Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929), An Nam Cộng sản Đảng (8/1929), Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929).

1.1.3. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm (Thái Lan). Nhận biết rõ tình hình ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã thành lập nhưng có sự hoạt động riêng rẽ, có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ, Người đã chủ động triệu tập đại biểu, dự thảo văn kiện và các điều kiện tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

- Hội nghị diễn ra từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930, tại bán đảo Cửu Long, Hương Cảng (Trung Quốc). Hội nghị thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

- *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng* chỉ ra phương hướng chiến lược của cách mạng, nhiệm vụ, lực lượng, lãnh đạo, phương pháp và quan hệ quốc tế của cách mạng Việt Nam.

Ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam:

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 là tất yếu lịch sử; là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

- Đảng ra đời là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam; nó chứng tỏ rằng giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

- Sự ra đời của Đảng khẳng định công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc, Người tìm ra con đường cứu nước đúng đắn và chuẩn bị chu đáo về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

Đảng Cộng sản Việt Nam - Người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở từng giai đoạn cách mạng cụ thể:

- Vai trò lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

Đảng có đường lối cách mạng đúng đắn. Sự phát triển đường lối cách mạng của Đảng với các chủ trương trong quá trình lãnh đạo ở giai đoạn này là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Đảng đã kiên trì chuẩn bị chu đáo về lực lượng cách mạng; xây dựng khối đoàn kết liên minh giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác trong Mặt trận Việt Minh.

Cách mạng Tháng Tám thành công là do Đảng có phương pháp cách mạng đúng đắn, dự báo đúng, bám sát tình hình, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, công tác tuyên truyền vận động quần chúng linh hoạt, bằng nhiều hình thức phong phú để vận động hàng chục triệu quần chúng cả nước quyết tâm đấu tranh giải phóng dân tộc.

- Vai trò lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945-1954)

Đảng có đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp đúng đắn, sáng tạo, đó chính là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện lâu dài, dựa và sức mình là chính; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hoà bình.

Đảng có công tác tư tưởng đúng đắn, động viên quân dân cả nước, phát huy chính nghĩa, tinh thần đoàn kết trong mặt trận Liên Việt vì “Tổ Quốc trên hết”, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, quyết tâm vì độc lập tự do đưa kháng chiến đến thắng lợi.

Đảng có công tác tổ chức tài giỏi, lãnh đạo chính quyền dân chủ nhân dân là công cụ sắc bén vừa tổ chức kháng chiến, từng bước phát triển kinh tế, văn hóa kháng chiến, xây dựng chế độ mới.

- Vai trò lãnh đạo Đảng trong cuộc chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975)

Đảng có đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo, tổng hợp, dẫn dắt cuộc kháng chiến của toàn dân tộc đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Đó là đường lối đồng thời đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam.

Đảng có công tác tư tưởng đúng đắn, đã động viên quân dân cả nước ta tin tưởng vào chính nghĩa vượt qua mọi gian khổ hy sinh, cả nước ra trận.

Đảng đã phát huy sức mạnh đoàn kết chiến đấu ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; sự ủng hộ hết lòng và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa; sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

- *Vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)*

Sau chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn, Đảng đã lãnh đạo nhân dân vừa ra sức khôi phục kinh tế vừa phải tiến hành hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc; đồng thời tập trung lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- *Vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới (1986 - nay)*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đã tổng kết 10 năm trước đổi mới, là Đại hội kế thừa và quyết tâm đổi mới, đoàn kết tiến lên của Đảng, đánh dấu sự trưởng thành về lý luận và thực tiễn của Đảng.

Trải qua các kỳ Đại hội Đảng từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021). Đảng ta đã đề ra các đường lối về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường, đường lối về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đường lối về xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đường lối về bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đường lối xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, đường lối xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đường lối xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Những thành tựu trong công cuộc đổi mới khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

2. NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.1.1. *Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945*

Thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật đổ chế độ quân chủ và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập, tự do. Với

thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ. Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập, tự do.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi vĩ đại nhất trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Chẳng những nhân dân Việt Nam có thể tự hào, mà các dân tộc bị áp bức trên thế giới cũng có thể tự hào rằng, đây là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

2.1.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế

❖ Thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

Ngay khi vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã phải đối mặt với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, vận mệnh của đất nước trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã kịp thời đề ra những chủ trương và quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt đã động viên được sức mạnh đoàn kết toàn dân, triệu người như một, vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm để củng cố, giữ vững chính quyền, đưa cách mạng vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

❖ Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954)

Khi thực dân Pháp lần tới có dã tâm cướp nước ta một lần nữa, với đường lối *kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc*, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã buộc thực dân Pháp và các nước phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương; làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

❖ Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)

Trong những năm 1954-1975, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa cố vấn quân sự và quân viễn chinh xâm lược miền Nam, đánh phá miền Bắc thì cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm là đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau.

Đảng xác định con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Trải qua 21 năm chiến đấu kiên cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hy sinh, được sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đã lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ở miền Bắc. Bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mở ra sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ, tự do và hòa bình phát triển của nhân dân thế giới.

❖ *Thắng lợi của quân và dân ta trong chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc* là một thắng lợi quan trọng của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và tiếp tục tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa các nước và góp phần củng cố hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới.

2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Qua 37 năm đổi mới, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện.

- Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới và có bước phát triển
- Phát triển văn hoá, xã hội, con người đạt nhiều kết quả quan trọng
- Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được chú trọng, bước đầu đạt kết quả tích cực

- Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đạt nhiều thành tựu nổi bật

- Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố; dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát huy

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn; bảo đảm thực hiện đồng bộ các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả rõ rệt

Hơn 90 năm qua, kể từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn, nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta đã ra khỏi nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn nhiều. Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm, nhưng vấn đề căn bản là Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?*
- 2. Phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng Việt Nam.*
- 3. Làm rõ công lao của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam?*
- 4. Phân tích ý nghĩa một trong những thắng lợi to lớn của Cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo?*

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học cần đạt được:

- **Về kiến thức:** Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay.

- **Về kỹ năng:** Vận dụng những tri thức đã học vào việc phân tích những vấn đề thực tiễn liên quan đến đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa con người ở của Đảng ta và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

1. NỘI DUNG CỦA CHỦ TRƯỞNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Chủ trương phát triển kinh tế, xã hội

1.1.1. Quan điểm phát triển kinh tế - xã hội

Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội (2021-2030), được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII thông qua xác định 5 quan điểm phát triển kinh tế-xã hội⁸:

Một là: Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Hai là: Lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển đất nước.

Ba là: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bốn là: Xây dựng nền kinh tế tự chủ phải trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế.

Năm là: Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

1.1.2. Mục tiêu chiến lược

Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có nền công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế;

⁸ Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, HN, 2021, tập 1, tr. 215-216

Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân;

Bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

1.1.3. Các đột phá chiến lược

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ. Huy động, sử dụng các nguồn lực thực hiện theo cơ chế thị trường.

Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam. Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2. Chủ trương phát triển văn hóa, con người

1.2.1. Quan điểm phát triển văn hóa, con người

Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Hai là, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Ba là, phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo.

Bốn là, xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa; cần chú ý đầy đủ đến yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế.

Năm là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

1.2.2. Định hướng lớn phát triển văn hóa, con người

Một là, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ.

Hai là, con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân.

Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách.

Ba là, giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam. Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài.

Bốn là, khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

Năm là, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân. Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

Sáu là, chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.1.1. Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, pháp luật đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, ổn định, cụ thể, minh bạch.

Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước.

Xây dựng nhanh nền hành chính hiện đại, dựa trên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế địa phương và kinh tế vùng trên cơ sở phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, địa phương.

2.1.2. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế

Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ

và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số.

Nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, tập trung phát triển công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, thông tin, sinh học, trí tuệ nhân tạo.

Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đa dạng hóa đối tác, lựa chọn đối tác chiến lược là các quốc gia có nền khoa học, công nghệ tiên tiến; gắn kết chặt chẽ giữa hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ với hợp tác kinh tế quốc tế.

2.1.3. Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

Xây dựng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập; thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Đặc biệt, chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.4. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đẩy nhanh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước.

Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân của người Việt Nam cả về số lượng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao.

Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Phát triển công nghiệp kết hợp hài hòa cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó chú trọng phát triển theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp.

Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp lý, y tế, giáo dục - đào tạo, viễn thông và công nghệ thông tin, logistics và vận tải, phân phối...

2.1.5. Phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Phát triển kết cấu hạ tầng: Tập trung đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, nhất là về giao thông, năng lượng và hạ tầng số để khắc phục cơ bản những điểm nghẽn cho phát triển, tăng cường kết nối với khu vực và thế giới.

Phát triển kinh tế vùng: Xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ quốc gia một cách hợp lý, phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới. Khai thác tốt hơn các thế mạnh của các vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa chính trị, nguồn nhân lực trong bối cảnh và yêu cầu phát triển mới.

Phát triển kinh tế biển: Phát triển bền vững kinh tế biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Khẩn trương xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia.

Phát triển đô thị: Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị. Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

Xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại sự chuyển biến tích cực rõ nét hơn về nếp sống tới từng thôn, bản, ấp, hộ gia đình và cuộc sống trực tiếp của mỗi người dân sinh sống ở nông thôn.

2.1.6. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế, thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, tổ chức cung cấp dịch vụ y tế công, bảo đảm các dịch vụ cơ bản.

Cải cách tổng thể, hệ thống, đồng bộ chính sách tiền lương theo hướng tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy tăng năng suất lao động là cơ sở để tăng lương.

Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công; đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nhất là cho những người yếu thế, người nghèo.

2.1.7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất, nước, khoáng sản, theo nguyên tắc thị trường.

Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường, môi trường chiến lược.

Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, cacbon thấp; khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất.

2.1.8. *Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia*

Củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; tiếp tục xây dựng Quân đội nhân dân, Công an Nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Đẩy mạnh đầu tư và ứng dụng khoa học, công nghệ trong nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng ngày càng hiện đại, có trình độ khoa học - công nghệ cao.

Chủ động đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”, phòng ngừa, ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng và an ninh xã hội.

Tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh, thực hiện tốt nhiệm vụ tham gia gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

2.1.9. *Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế*

Tiếp tục chủ động, tích cực đẩy mạnh công tác đối ngoại, bảo hộ công dân; tận dụng tối đa các cơ hội từ quá trình hội nhập

Kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ nâng cao khả năng thích ứng năng động và linh hoạt xử lý hài hòa lợi ích quốc gia với quan tâm chung, tùy theo đối tượng, vấn đề, thời điểm, phù hợp với luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử tại khu vực, trên tinh thần lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết.

Xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân Việt Nam trong các tranh chấp kinh tế, thương mại và đầu tư quốc tế.

2.1.10. *Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính*

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và năng lực kiến tạo phát triển

Tập trung xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả.

Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo dựa trên cơ chế cạnh tranh về tuyển dụng, chế độ đãi ngộ và đề bạt; có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng.

2. 2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

2.2.1. *Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện*

Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc.

Hướng các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học vào việc xây dựng con người có thể giới quan khoa học, hướng tới chân-thiện-mỹ. Gắn xây dựng, rèn luyện đạo đức với thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập.

Xây dựng và phát huy lối sống “*Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học-nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người. Bảo đảm quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng.

Nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người.

2.2.2. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

Mỗi địa phương, cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức phải là một môi trường văn hóa lành mạnh, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái. Đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội.

Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình thực sự là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách văn hóa và giáo dục nếp sống cho con người. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

Xây dựng môi trường học phải thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ.

Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt chuẩn thực chất về văn hóa; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Gắn các hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Phát huy các giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; khuyến khích các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, hướng thiện, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ, “tốt đời, đẹp đạo”.

2.2.3. Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể. Trong đó, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, gắn bó máu thịt với nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân.

Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên.

Thường xuyên quan tâm xây dựng văn hóa trong kinh tế. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

2.2.4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa

Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế-xã hội.

Phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật, trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân trên cơ sở cống hiến cho đất nước. Tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ, phản ánh chân thật, sinh động, sâu sắc đời sống, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước..

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống báo chí đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý các loại hình thông tin trên mạng

2.2.5. Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Phát triển công nghiệp văn hóa nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng và giá trị đặc sắc của văn hóa Việt Nam; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm văn hóa, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm văn hóa.

Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển.

2.2.6. Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc.

Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Phân tích những nội dung phát kinh tế xã hội ở Việt Nam?*
- 2. Trình bày những giải pháp phát triển văn hóa, con người ở nước ta hiện nay.*

Bài 5

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

Mục tiêu của bài học:

Sau khi học xong bài này, người học cần đạt được:

- **Về kiến thức:** Trình bày được quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt. Phân tích được những nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

- **Về kỹ năng:** Biết vận dụng những kiến thức đã học vào quá trình học tập, lao động và hoạt động hàng ngày của bản thân.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

1. QUAN NIỆM VỀ NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1.1. Người công dân tốt

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Người công dân tốt là người thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân*”. Công dân Việt Nam có những quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

Mọi người có quyền sống, có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp; quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước;

Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội và biểu tình;

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật;

Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, thừa kế, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất;

Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi.

Nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh.

Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập; Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó.

Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.

Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất

Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân - thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Mọi người thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

1. 2. Người lao động tốt

Người lao động tốt là người công dân tốt có khả năng lao động tốt. Tiêu chí chung nhất của người lao động tốt được thể hiện trong sự rèn luyện, phấn đấu: Đối với chính mình; Đối với mọi người và đối với công việc.

- *Đối với chính mình:* Người lao động tốt là có phẩm chất chính trị vững vàng, trung với nước, hiếu với dân, có tinh thần tự cường dân tộc; có tình thương yêu con người, có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, có lối sống lành mạnh: Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

Ngoài ra, người lao động cần biết rèn luyện thể lực để có đủ điều kiện sức khỏe làm việc tốt theo ngành nghề của mình.

- *Đối với mọi người,* người lao động tốt là người sống có tinh thần tập thể; có khả năng làm việc theo nhóm hoặc độc lập nhưng biết quan tâm vì lợi ích chung “mình vì mọi người”.

- *Đối với công việc:* Người lao động tốt là người được đào tạo nghề thông qua trường lớp hoặc truyền nghề. Điều căn bản trên thực tế, là người lao động tay nghề thuần thực, có trách nhiệm, có sáng tạo, có kỹ thuật, có trình độ tay nghề ngày càng cao, có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ lao động, phương tiện ngày càng hiện đại, tạo ra năng suất lao động ngày càng cao làm lợi cho doanh nghiệp, cho bản thân mình và cho xã hội.

Người lao động tốt được đào tạo và sử dụng ngoại ngữ ở mức độ nhất định để phục vụ tốt ngành nghề được đào tạo, có khả năng ứng dụng sự phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin để thích ứng với tiêu chuẩn vị trí việc làm của các nước khu vực và trên thế giới.

2. NỘI DUNG TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

Người học cần nhận thức rõ đất nước là của dân, do dân, vì dân. Trách nhiệm của người dân trong công cuộc đổi mới là tương lai của dân tộc, hạnh phúc của mỗi gia đình. Bởi vậy, mỗi người học cần phải:

- Tu dưỡng ý chí, tiếp nối truyền thống yêu nước, biết điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội; xác định quyền hạn, trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ của người công dân.

- Có lòng nhân ái, yêu thương, nhân nghĩa, đoàn kết, trân trọng các giá trị đạo đức nền tảng.

- Có trách nhiệm xây dựng lối sống lành mạnh và nơi làm việc văn minh để phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Biết phê phán những hủ tục, lạc hậu cũng như phê bình chủ nghĩa cá nhân, trục lợi bản thân, tránh xa các tệ nạn xã hội.

- Có động cơ học tập đúng, chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và lòng đam mê để có thể làm việc tốt nhất, có đạo đức nghề nghiệp và thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ.

2.2. Phần đầu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

Những tiêu chí của người lao động có đức, có tài, có kiến thức chuyên môn không thể có ngay mà là quá trình tu dưỡng, rèn luyện mà hình thành. Các tiêu chí đó tập trung vào ba nội dung chủ yếu sau:

2.2.1. Tu dưỡng và rèn luyện về phẩm chất chính trị

Trước hết là tu dưỡng rèn luyện để bồi đắp tinh thần yêu nước, trung với nước, hiếu với dân; tin tưởng và đi theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã chọn. Đó là kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định đường lối đổi mới của Đảng.

Qua trải nghiệm thực tiễn học nghề, thực tế sản xuất, tiếp xúc với môi trường xã hội, mỗi người học mới tích lũy hiểu biết về mọi mặt, trở nên vững vàng, kiên định. Bởi vậy cần tích cực học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, làm giàu vốn hiểu biết của mình. Cùng với rèn luyện bản lĩnh chính trị, cần thường xuyên trau dồi đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ.

Mỗi người học cần xác định động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn. Học là để có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2.2.2. Tu dưỡng và rèn luyện về đạo đức, lối sống, sức khỏe

Mỗi người học cần biết điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức công dân; rèn luyện lối sống lành mạnh “*Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*”. Cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau và với chí công vô tư.

Cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư. Ngược lại, đã chí công vô tư, một lòng vì nước, vì dân, vì đất nước thì sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

2.2.3. Tu dưỡng, rèn luyện về văn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp

Mỗi học sinh khi đã chọn nghề, cần rèn tình yêu nghề, say mê với nghề mà tích cực học tập toàn diện. Học nghề nào phải phấn đấu để giỏi nghề đó.

Cuộc sống vốn rất phong phú nên mỗi người học phải không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt, hiểu biết, tích lũy thêm về lý luận chính trị, các môn khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật, khoa học và công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tin học...

Tích cực chủ động tìm hiểu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, rèn luyện sức khỏe đảm bảo để trở thành lực lượng lao động tiên bộ, rèn luyện tác phong công nghiệp, thích ứng với yêu cầu phát triển của cách mạng khoa học và công nghệ, vì nhu cầu phát triển của bản thân, hạnh phúc gia đình và phồn vinh của đất nước.

2.3.4. Tu dưỡng, rèn luyện về tinh thần trách nhiệm: với công việc, với gia đình, với cơ quan, đơn vị, cộng đồng và toàn xã hội

Nội dung tu dưỡng rèn luyện trong các mối quan hệ xã hội là làm tốt vị trí, vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong các quan hệ xã hội đó.

Với công việc, cần xác định mình là một mắt khâu trong dây chuyền hoạt động làm ra sản phẩm cho xã hội để hoàn thành công việc được giao, đúng yêu cầu chất lượng, thời gian, hiệu quả và tiết kiệm.

Với gia đình cần xác định trách nhiệm của cá nhân trong xây dựng gia đình hạnh phúc, trách nhiệm với vợ (chồng), con cái, cha mẹ, họ hàng nội ngoại... để phấn đấu rèn luyện, giữ gìn.

Với cơ quan đơn vị, xác định rõ mình là một thành viên, có lợi ích chung trong hoạt động của cơ quan đơn vị để tham gia xây dựng cơ quan đơn vị vững mạnh, có văn hóa, thu nhập cao.

Với cộng đồng, cần xác định rõ trách nhiệm tham gia các sinh hoạt chung, góp phần mình vào xây dựng quê hương, nơi cư trú có môi trường tự nhiên và xã hội xanh, sạch, đẹp, văn minh, thân thiện, đoàn kết.

Với toàn xã hội, là rèn luyện trở thành người công dân tốt, có trách nhiệm, tuân thủ tự giác các quy định của pháp luật, thực hiện quyền và trách nhiệm làm chủ của mỗi công dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

- 1. Trình bày quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt?*
- 2. Sinh viên cần phải làm gì và như thế nào để tu dưỡng và rèn luyện trở thành người công dân tốt, người lao động tốt?*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”
2. Ban Tuyên Giáo Trung ương: Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho học viên lớp Đối tượng kết nạp Đảng của. Nxb CTQG. ST. HN, 2016
3. Ban Tuyên Giáo Trung ương: Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho Đảng viên mới của Ban Tuyên Giáo Trung ương Nxb CTQG. ST. HN, 2016.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
5. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật
6. Bộ Chính trị (2013): Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế
7. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
8. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp
11. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2020), Tài liệu dạy học môn Giáo dục chính trị, chương trình đào tạo Cao đẳng. NXB. LĐTBXH, HN.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Triết học Mác-Lênin

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Kinh tế chính trị học Mác-Lênin
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh
17. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Nxb. CTQG, HN
19. Đảng CSVN (2014), Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 BCH Trung ương, khóa XI, Nxb CTQG, Hội nghị
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng., Nxb. CTQG, HN
21. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội
22. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội
23. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội
24. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận-Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội